

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **E-ĐKCT** phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	Chủ đầu tư là: Công ty Điện lực Tây Ninh - Địa chỉ: 168 Tuyến tránh, Phường Long An, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. - Tài khoản: 0701000406331 Tại NH TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Tây Ninh. - Mã số thuế: 0300942001-015. - Điện thoại: 0913.955.758. - Email: dauthaupctayninh@gmail.com.
E-ĐKC 1.7	Công trình 1: Sửa chữa lớn lưới điện trung áp tuyến 472MH, 474MH (từ trụ T23 đến T67). Công trình 2: Sửa chữa lớn lưới điện trung hạ áp khu vực phường Kiến Tường và các xã Mộc Hoá, Tuyên Thạnh, Bình Hiệp, Bình Hoà, tỉnh Tây Ninh. Công trình 3: Sửa chữa lớn đường dây hạ áp khu vực Đội Quản lý điện Kiến Tường. Công trình 4: Sửa chữa đường dây trung áp nhánh rẽ Trường cấp 3 - xã Vĩnh Hưng. Công trình 5: Sửa chữa đường dây trung hạ áp nhánh rẽ Sông Trăng Phải, xã Hưng Điền, tỉnh Tây Ninh. Công trình 6: Sửa chữa đường dây trung hạ áp nhánh rẽ Thạnh Hưng, Cái Bát 1, Cả Góc - TH xã Vĩnh Thạnh, tỉnh Tây Ninh. - Tên gói thầu: <i>Gói thầu 03: Xây lắp 06 công trình trên địa bàn Phường Kiến Tường và các xã Mộc Hoá, Tuyên Thạnh, Bình Hiệp, Bình Hoà, Vĩnh Hưng, Hưng Điền, Vĩnh Thạnh.</i> - Địa điểm thi công gói thầu: tỉnh Tây Ninh.
E-ĐKC 1.10	Địa điểm Công trường tại: tỉnh Tây Ninh.
E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: 120 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành công trình (trong đó bao gồm ngày nghỉ cuối tuần và nghỉ lễ theo qui định)
E-ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: 120 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành công trình (trong đó bao gồm ngày nghỉ cuối tuần và nghỉ lễ theo qui định)
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: Căn cứ ngày ghi trong Lệnh khởi công (hoặc Thông báo khởi công).

E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là: ____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].
E-ĐKC 1.29	- Tư vấn quản lý dự án: ____ [ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn quản lý dự án nếu có]; - Tư vấn giám sát là: ____ [ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn giám sát];
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: 120 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành công trình (trong đó bao gồm ngày nghỉ cuối tuần và nghỉ lễ theo qui định)
E-ĐKC 2.3(i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: - Hợp đồng thi công xây dựng. - Bảng giá hợp đồng. - Biên bản thương thảo hợp đồng (nếu có). - Thư chấp thuận hồ sơ dự thầu (HSDT) và trao hợp đồng. - Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. - Điều kiện chung của Hợp đồng, bao gồm phụ lục. - Điều kiện cụ thể của Hợp đồng, bao gồm phụ lục. - HSDT của Nhà thầu và các văn bản làm rõ HSDT của nhà thầu (nếu có). - Hồ sơ mời thầu (HSMT) và các tài liệu bổ sung HSMT (nếu có). - Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).
E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10% giá hợp đồng. - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định. - Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong. - Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong vòng 07 ngày kể từ ngày hợp đồng được ký kết, bên B phải cung cấp bản chính Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và phải là bảo đảm không có điều kiện, không hủy ngang (trả tiền khi có yêu cầu theo Mẫu số 15 Chương VIII).

	- Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 10 % giá trị của hợp đồng cho Bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện. - Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 10% giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp. - Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau: + Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; + Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; + Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng; + Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng; + Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích. - Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. - Trường hợp Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Bên B phải khắc phục thì Bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng. - Trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng do Nhà thầu vi phạm các hành vi được quy định của hợp đồng này, Chủ đầu tư sẽ tịch thu 100% bảo đảm thực hiện hợp đồng.
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn 10 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.
E-ĐKC 8.2(d)	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
E-ĐKC 8.8(a)	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
E-ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 10 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.

E-ĐKC 9.3	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ <i>[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].</i>
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 30% giá hợp đồng.
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: không có.
E-ĐKC 19.1	Yêu cầu về bảo hiểm: Chứng thư bảo hiểm xây lắp công trình sẽ được xuất trình chậm nhất là 07 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, thời gian bảo hiểm là kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình. Nhà thầu phải mua: Bảo hiểm bắt buộc công trình trong thời gian xây dựng tính từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc thời gian xây dựng (<i>bao gồm toàn bộ vật liệu, chi phí nhân công, thiết bị lắp đặt vào công trình, cước phí vận chuyển, các loại thuế, phí khác và các hạng mục khác do chủ đầu tư hoặc nhà thầu cung cấp</i>), Bảo hiểm bắt buộc đối với người lao động thi công trên công trường, Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba cho rủi ro của nhà thầu. Tổng giá trị cần mua bảo hiểm cho VTTB A cấp và vận chuyển là 3.114.598.038 đồng Số tiền bảo hiểm tối thiểu, tiền khấu trừ và thời hạn bảo hiểm phải là: (a) Cho các tổn thất hư hỏng công trình, cây cối và vật liệu: 110% giá trị hợp đồng. Thời hạn bảo hiểm tính từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc thời gian xây dựng. (b) Cho các tổn thất hoặc hư hỏng vật tư thiết bị: Bồi thường cho Chủ đầu tư theo giá thị trường do Chủ đầu tư quyết định (nhưng không nhỏ hơn giá trị xuất kho của Chủ đầu tư), cộng thêm các chi phí bảo hiểm, lưu kho, lưu bãi, v.v... được tính chung là 10%. Nhà thầu phải hoàn tất việc bồi thường trước khi quyết toán đợt cuối. Trường hợp Nhà thầu trả bằng hiện vật thì phải đúng chủng loại, nhà cung cấp. Thời hạn bảo hiểm tính từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc thời gian xây dựng. (c) Cho các tổn thất hoặc hư hỏng tài sản (ngoài trừ công trình, cây cối, vật liệu và thiết bị) có liên hệ đến hợp đồng: - Số tiền bảo hiểm tối thiểu: 50% giá hợp đồng. - Mức khấu trừ tối đa: (20.000.000/30.000.000) đồng. - Thời hạn bảo hiểm tính từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc thời gian xây dựng (d) Đối với tổn hại cá nhân hoặc chết: - Nhân viên của Nhà thầu: tối thiểu 100.000.000 đồng/người. - Của người khác: tối thiểu 100.000.000 đồng/người. Thời hạn bảo hiểm tính từ ngày thực hiện công việc thi công trên công

	trường đến hết thời gian bảo hành công trình,
E-ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trình ít nhất 12 tháng, kể từ ngày công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng.
E-ĐKC 21	Thông tin về Công trường là: Nhà thầu được coi là đã thẩm tra và xem xét công trường, khu vực xung quanh công trường, các số liệu và thông tin liên quan đến công trường và đã được thỏa mãn trước khi nộp thầu. - Chủ đầu tư: Công ty Điện lực Tây Ninh. - Tên các công trình: Công trình 1: Sửa chữa lớn lưới điện trung áp tuyến 472MH, 474MH (từ trụ T23 đến T67). Công trình 2: Sửa chữa lớn lưới điện trung hạ áp khu vực phường Kiến Tường và các xã Mộc Hoá, Tuyên Thạnh, Bình Hiệp, Bình Hoà, tỉnh Tây Ninh. Công trình 3: Sửa chữa lớn đường dây hạ áp khu vực Đội Quản lý điện Kiến Tường. Công trình 4: Sửa chữa đường dây trung áp nhánh rẽ Trường cấp 3 - xã Vĩnh Hưng. Công trình 5: Sửa chữa đường dây trung hạ áp nhánh rẽ Sông Trăng Phải, xã Hưng Điền, tỉnh Tây Ninh. Công trình 6: Sửa chữa đường dây trung hạ áp nhánh rẽ Thạnh Hưng, Cái Bát 1, Cỏ Góc - TH xã Vĩnh Thạnh, tỉnh Tây Ninh - Tên gói thầu: <i>Gói thầu 03: Xây lắp 06 công trình trên địa bàn Phường Kiến Tường và các xã Mộc Hoá, Tuyên Thạnh, Bình Hiệp, Bình Hoà, Vĩnh Hưng, Hưng Điền, Vĩnh Thạnh.</i> - Địa điểm thi công gói thầu: tỉnh Tây Ninh.
E-ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: ít nhất là 05 ngày sau khi Chủ đầu tư cùng phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện việc tiếp nhận và bàn giao mặt bằng.
E-ĐKC 27.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: tối đa là 28 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản khiếu nại của nhà thầu hoặc chủ đầu tư. Giải quyết tranh chấp: Nhà thầu và Chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. Nếu qua thương lượng, hai bên không giải quyết được thì thống nhất đưa lên Tòa án có chức năng tỉnh Tây Ninh để giải quyết. Quyết định của Tòa án có giá trị bắt buộc cho cả hai bên.
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	- Ngày khởi công: Căn cứ ngày ghi trong Lệnh khởi công. - Ngày hoàn thành dự kiến: 120 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành công trình (trong đó bao gồm ngày nghỉ cuối tuần và nghỉ lễ theo qui định)

E-ĐKC 29.1	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 10 ngày từ ngày ký Hợp đồng.
E-ĐKC 29.4	- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 15 ngày/lần khi tiến độ thi công có thay đổi hoặc theo yêu cầu của Chủ đầu tư. - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật là 1% giá trị hợp đồng cho mỗi lần nộp muộn tương đương số tiền là: 70.000.000 đồng.
E-ĐKC 30.7	Các trường hợp khác: Trường hợp các lý do bất khả kháng như trở ngại trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng hoặc VTTB A cấp, hoặc trở ngại khác thì Ban Quản lý dự án – Công ty Điện lực Tây Ninh và nhà thầu có văn bản thoả thuận để điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng.
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	Vật tư, máy móc, thiết bị: Tất cả các vật tư, thiết bị phải có xuất xứ rõ ràng, có chứng nhận chất lượng xuất xưởng của nhà sản xuất, được thí nghiệm đảm bảo chất lượng, thông số kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu thiết kế, cụ thể: - Nhà thầu phải đảm bảo tất cả vật tư và thiết bị theo đúng yêu cầu kỹ thuật được quy định ở Chương V. - Nhà thầu phải lấy mẫu bê tông, mẫu đất để thử nghiệm cho tất cả các loại móng. - Chủ đầu tư sẽ kiểm tra vật tư và thiết bị tại nơi khai thác, nơi sản xuất hay tại công trường vào bất kỳ thời điểm nào. - Nhà thầu phải đảm bảo bố trí cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc kiểm tra vật tư, thiết bị nêu trên. - Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu VTTB tập kết tại công trường, kiểm tra việc bảo quản theo quy định (kể cả VTTB A cấp). - Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp nhà thầu có đề nghị thay đổi các hàng hóa (vật tư, thiết bị) có phiên bản sản xuất, năm sản xuất mới hơn so với hàng hóa (vật tư, thiết bị) ghi trong hợp đồng thì căn cứ nhu cầu sử dụng, chủ đầu tư được chấp thuận đề xuất của nhà thầu nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây: + Được nhà thầu thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư; + Hàng hóa thay thế và hàng hóa ghi trong hợp đồng thuộc cùng hãng sản xuất và có cùng xuất xứ; + Hàng hóa thay thế có tính năng kỹ thuật, cấu hình, thông số và các yêu cầu kỹ thuật khác tương đương hoặc tốt hơn hàng hóa ghi trong hợp đồng; + Phù hợp với nhu cầu sử dụng; + Đơn giá của hàng hóa không vượt đơn giá ghi trong hợp đồng.
D. Quản lý chi phí	

E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
E-ĐKC 41.1	Giá hợp đồng: Cố định.
E-ĐKC 42.1	- Tạm ứng: Bên giao thầu tạm ứng cho Bên nhận thầu tối đa 25% giá trị hợp đồng (không bao gồm thuế VAT và chi phí dự phòng, nhưng không quá kế hoạch vốn của Tổng Công ty và tiến độ cho vay của bên cho vay) sau khi Bên giao thầu nhận được bảo lãnh tạm ứng của Bên nhận thầu. - Thời gian tạm ứng: trong vòng 30 ngày kể từ khi Chủ đầu tư nhận được các tài liệu sau: + Văn bản yêu cầu tạm ứng. + Bảo đảm thực hiện hợp đồng. + Bảo lãnh tiền tạm ứng theo mẫu trong hồ sơ mời thầu. + Hợp đồng bảo hiểm + Lệnh khởi công của Bên A - Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng. - Hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng là: Bảo lãnh tạm ứng có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng. - Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả. - Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: + Trong vòng 30 ngày kể từ khi Bên A chuyển tiền tạm ứng, Bên B phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng theo quy định tại Điều kiện chung của hợp đồng. Bên B sẽ bị tịch thu bảo lãnh tiền tạm ứng trong trường hợp Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; + Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; + Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.

	- Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định. - Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh. - Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.
E-ĐKC 44.1	Phương thức thanh toán: 1. Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản 2. Thời hạn thanh toán: trong vòng 30 ngày kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ hồ sơ thanh toán theo yêu cầu. 3. Nguyên tắc thanh toán: - Số lần thanh toán tối đa 04 đợt (không kể đợt thanh toán tạm ứng lần đầu). - Các đợt: Thanh toán giá trị hạng mục hoàn thành sau khi nhà thầu hoàn thành khối lượng công việc phù hợp với phạm vi công việc theo hợp đồng. Tổng giá trị thanh toán các đợt không kể đợt cuối chỉ đạt tối đa 90% giá trị hợp đồng. - Đợt cuối: Thanh toán toàn bộ giá trị thực hiện còn lại sau khi nhà thầu hoàn thành các công việc (hoàn tất các thủ tục tổng nghiệm thu công trình, quyết toán khối lượng xây lắp hoàn thành, hoàn trả VTTB A cấp dư, hoàn trả VTTB thu hồi trên lưới điện hiện hữu (nếu có), hoàn tất việc lập và phê duyệt công tác phát sinh, hoàn tất lập và nộp bản vẽ hoàn công...) và Chủ đầu tư nhận được bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh bảo hành mà Nhà thầu gửi Chủ đầu tư phải là Bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị tương đương 5% giá trị hợp đồng. Bảo lãnh bảo hành phải có hiệu lực cho đến hết thời gian bảo hành (thời gian bảo hành ít nhất 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng) - Trường hợp sửa chữa hoặc thay thế Hàng hoá, giai đoạn bảo hành tương ứng của hàng hóa thiết bị đó sẽ được kéo dài thêm khoảng thời gian phù hợp quy định tại Yêu cầu về kỹ thuật và Phạm vi công việc và Tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày việc sửa chữa và thay thế đó được Bên A chấp nhận. - Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Bên B thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Bên B theo thời gian yêu cầu của Bên A. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu

cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này.

- Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên B chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Bên B phải có trách nhiệm thực hiện hoàn tất các tồn tại đó và phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành tối thiểu 21 ngày.

- Bên B sẽ chịu phạt theo mục 2 của E-ĐKC 49.1, do chậm trễ trong việc khắc phục các tồn tại, số tiền này sẽ được trừ vào giá trị bảo lãnh bảo hành hoàn trả cho nhà thầu.

- Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà bên B không gia hạn bảo lãnh thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành.

4. Hồ sơ thanh toán khối lượng thực hiện:

❖ Đối với phần xây lắp:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành thực tế trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư, đại diện tư vấn giám sát và đại diện Nhà thầu (theo mẫu biên bản nghiệm thu chất lượng có ghi khối lượng);

- Bảng xác định giá trị cho những công việc chưa có đơn giá trong hợp đồng (nếu có), trong đó cần thể hiện cả khối lượng và đơn giá cho các công việc này có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư, đại diện nhà tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng (nếu có) và đại diện Nhà thầu;

- Đề nghị thanh toán của Nhà thầu cần thể hiện các nội dung: Giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư và đại diện Nhà thầu.

- Hóa đơn hợp pháp theo quy định của Bộ Tài chính.

- Các hồ sơ chất lượng kèm theo

❖ Hồ sơ chứng minh chất lượng hàng hóa:

- Bản sao y có công chứng Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa do phòng Thương Mại nước sản xuất ban hành của hàng ngoại nhập nêu trong bảng giá của hợp đồng trong đó có ghi rõ danh mục thiết bị, tên nhà sản xuất;

- Biên bản thử nghiệm xuất xưởng do nhà sản xuất ban hành trong đó có ghi rõ tên hàng hóa, mã hiệu hàng hóa (Chỉ áp dụng trong trường hợp hàng hóa có mã hiệu) và số serial (Chỉ áp dụng trong trường hợp hàng hóa có số serial) của thiết bị;

- Chứng nhận số lượng và chất lượng của nhà sản xuất;

- Kết quả kiểm tra chất lượng (thử nghiệm mẫu) do một đơn vị thử

	nghiệm độc lập ban hành theo các chỉ tiêu thử nghiệm được mô tả trong phần đặc tính kỹ thuật của HSMT (áp dụng đối với các vật tư thiết bị có lấy mẫu thử nghiệm); - Biên bản nghiệm thu về số lượng và chất lượng của các hàng hóa giữa Bên A và Bên B sau khi thiết bị được lắp đặt tại công trường. - Bản sao hồ sơ nguồn gốc (CO, CQ, test đối với vật tư xuất khẩu). - Biên bản chứng kiến thử nghiệm tại nhà máy của Bên Bán với các chỉ tiêu thử nghiệm được mô tả trong phần đặc tính kỹ thuật của Hợp đồng (nếu có). Chi phí thử nghiệm do Bên bán chịu, bao gồm cả chi phí vé máy bay, đi lại, ăn ở,... cho các đại diện bên Mua. - Biên bản nghiệm thu về số lượng và chất lượng của các hàng hóa giữa Bên mua và Bên bán sau khi thiết bị được lắp đặt tại công trường. (Đối với hàng hóa nước ngoài sẽ cung cấp bản sao y có công chứng: Biên bản thử nghiệm xuất xưởng do nhà sản xuất ban hành; Chứng nhận số lượng và chất lượng của nhà sản xuất.)
E-ĐKC 45	Điều chỉnh thuế: được phép áp dụng điều chỉnh thuế trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
E-ĐKC 46.1	Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: không áp dụng.
E-ĐKC 47.1(d)	Trường hợp sửa đổi hợp đồng: - Khi phát sinh khối lượng thực hiện so với hợp đồng đã ký - Khi có khối lượng phát sinh ngoài gói thầu trong quá trình thực hiện. - Khi công trình có phát sinh khối lượng, cơ sở để lập dự toán phát sinh theo các quy định hiện hành của pháp luật và của Tổng Công ty Điện lực miền Nam.
E-ĐKC 47.7	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 49.1	Mức phạt: 1. Nhà thầu vi phạm thời gian thi công công trình, thời hạn hoàn thành hợp đồng do lỗi chủ quan của nhà thầu, không do các nguyên nhân khác: phạt 0,3% giá trị hợp đồng bị vi phạm cho 1 ngày chậm trễ, nhưng không quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. 2. Chất lượng thi công công trình không đảm bảo theo thỏa thuận trong hợp đồng: phạt 20.000.000 đồng cho mỗi trường hợp sau: - Nhà thầu sử dụng vật tư, thiết bị lắp đặt cho công trình không phù hợp với quy định của hợp đồng về chủng loại hàng hóa, xuất xứ, nhãn

	hiệu, các thông số kỹ thuật theo chỉ dẫn kỹ thuật quy định trong hồ sơ mời thầu; - Thi công công trình không đảm bảo chất lượng, gây lún, nứt, chuyển vị, thấm nước,....., hoàn thiện công trình không đảm bảo tính thẩm mỹ, không phù hợp với quy chuẩn Việt Nam và các tiêu chuẩn Việt Nam về nghiệm thu công trình xây dựng mà không phải nguyên nhân từ đơn vị tư vấn thiết kế; - Thi công công trình không phù hợp với hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt mà không có ý kiến chấp thuận của Chủ đầu tư; - Thi công công trình không phù hợp với biện pháp thi công được duyệt, dễ xảy ra tai nạn sự cố, sập đổ công trình; - Nhà thầu không thực hiện khắc phục các tồn tại theo yêu cầu và tiến độ của Chủ đầu tư. 3. Phạt vi phạm vượt quá số lần cắt điện để thi công hoàn thành công trình theo thỏa thuận trong hợp đồng với mức phạt là 20.000.000 đồng/lần vi phạm. 4. Trả điện trễ so với thời gian qui định đến 60 phút mà không phải do Điện lực thực hiện cắt điện và bàn giao hiện trường công tác trễ so với thời gian đã được thống nhất (được xác nhận cụ thể của Giám sát A vào nhật ký công trình) nhà thầu chịu phạt 20.000.000 đồng/lần. 5. Tổng số tiền phạt không vượt quá tổng số tiền 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.
E-ĐKC 49.2	Bồi thường thiệt hại: Áp dụng - Nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư toàn bộ các thiệt hại thực tế và gián tiếp phát sinh do lỗi, vi phạm của nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng và bên thứ ba (nếu có), mức bồi thường thiệt hại tương đương với mức tổn thất của bên kia.
E-ĐKC 49.3	Thưởng hợp đồng: không áp dụng.
E. Kết thúc hợp đồng	
E-ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình: trong vòng 10 ngày sau khi nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng.
E-ĐKC 55.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công, bảng phân bổ trụ hoàn công, dự toán thi công phát sinh (nếu có) và các hồ sơ quyết toán A-B: trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu kỹ thuật công trình. Nếu nộp chậm trễ sẽ phạt hợp đồng và trừ vào tiền quyết toán với giá trị 500.000 đồng cho 01 ngày giao nộp hồ sơ trễ.
E-ĐKC 55.2	Số tiền giữ lại do không nộp hồ sơ hoàn công, hồ sơ quyết toán công trình vào ngày yêu cầu được tính bằng: 1% giá trị hợp đồng tương đương số tiền là: 70.000.000 đồng .
E-ĐKC 56.1(a)	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 07 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.